

**BỘ LAO ĐỘNG – THƯƠNG BINH & XÃ HỘI
TRƯỜNG CAO ĐẲNG Y HÀ NỘI**

GIÁO TRÌNH
TỔNG QUAN NGÀNH CHĂM SÓC SẮC
ĐẸP

Tài liệu lưu hành nội bộ

Chương 1. TỔNG QUAN VỀ THẨM MỸ

1. Khái niệm thẩm mỹ

Thẩm mỹ đề cập đến một nhánh của triết học liên quan đến sự đánh giá cao về đẹp trong nghệ thuật, tự nhiên và các lĩnh vực khác.

Thẩm mỹ trực tiếp thúc đẩy tâm lý, làm tăng năng suất lao động, nó còn tham gia nâng cao chất lượng sản phẩm. Tuy nhiên, vai trò chủ yếu của nó vẫn là làm giàu cho đời sống tinh thần của con người. Vai trò của những thước đo thẩm mỹ trong đời sống tinh thần cũng tương tự như vai trò của những thước đo đạo đức trong đời sống xã hội.

1. Chủ thể thẩm mỹ

a. Chủ thể thẩm mỹ

Nói đến chủ thể thẩm mỹ, người ta nghĩ ngay đến người nghệ sĩ. Điều này có lý riêng của nó. Người nghệ sĩ rõ ràng thể hiện trong phẩm chất và hoạt động của mình những yêu cầu thẩm mỹ cao hơn hết thảy. Tuy nhiên, nếu khuôn chủ thể thẩm mỹ vào người nghệ sĩ thì lại là một khiếm khuyết lớn. Bởi hoạt động thẩm mỹ không phải là độc quyền của nghệ sĩ. Không riêng gì nghệ sĩ mà bất cứ ai cũng tiềm ẩn những năng lực thẩm mỹ và không ít lần trong đời phát lộ ra, khi thì bằng nghệ thuật nhưng nhiều hơn là bằng hoạt động thẩm mỹ ngoài nghệ thuật.

Nói tới năng lực chủ thể thẩm mỹ, nhiều người dành trước hết cho năng lực sáng tạo những giá trị thẩm mỹ. Điều này đúng nhưng cũng chưa đủ. Đúng là vì không ở đâu như trong quá trình sáng tạo thẩm mỹ, nhất là sáng tạo nghệ thuật, năng lực thẩm mỹ lại được biểu hiện tập trung và sáng rõ như vậy. Chưa đủ là vì ngoài khả năng sáng tạo, năng lực thẩm mỹ còn được bộc lộ ở những khả năng khác. Đó là những khả năng cảm thụ, đánh giá thẩm mỹ. Coi nhẹ những khả năng khác của chủ thể thẩm mỹ sẽ không thể khơi nguồn, nhất là không thể định hướng được khả năng sáng tạo ra những giá trị thẩm mỹ đa dạng của con người.

Vậy chủ thể thẩm mỹ là chủ thể xã hội có khả năng hưởng thụ, sáng tạo và đánh giá thẩm mỹ. Cần phải nhấn mạnh tới tính xã hội của chủ thể thẩm mỹ. Vì rằng đã có những nhà khoa học nói tới bản năng “làm đẹp” không chỉ có ở loài người mà cả ở loài vật. Họ dựa trên những giả định của nhà bác học Đácuyyn khi quan sát mùa sinh sản của loài chim. Quả thật, để làm tăng vẻ quyến rũ đối với loài chim mái, bộ cách của chim trống tự nhiên lộng lẫy hơn, tiếng hót của chúng tự nhiên thánh thót hơn. Đặc biệt, chim trống ưa làm tổ mình bằng chất liệu màu sắc sặc sỡ để chim mái dễ nhận ra vẻ hấp dẫn của “người tình” mình từ xa. Đácuyyn từ đó đi đến giả thuyết cho rằng có thể loài chim cũng có mỹ cảm. Ngẫm kỹ thì tuyệt nhiên không phải vậy. Đó chỉ là những phản xạ mang tính bản năng, vô ý thức của

loài vật. Cảm xúc thẩm mỹ mang đặc tính tinh thần từ trong bản chất. Và phạm trù này chỉ thuộc về con người xã hội mà thôi.

Một vấn đề được nảy sinh là nếu năng lực thẩm mỹ mang tính xã hội thì nó do đâu mà có? Vai trò của yếu tố bẩm sinh và yếu tố học tập, rèn luyện trong việc hình thành và phát triển các năng lực cảm thụ, sáng tạo và đánh giá thẩm mỹ ra sao?

Trước hết, ta không thể tán đồng với khuynh hướng thần bí hóa năng lực thẩm mỹ. Tài năng nghệ thuật là hiếm và quý. Biểu hiện của tài năng nghệ thuật là đa dạng và phong phú. Mọi sự lý giải đơn giản tài năng nghệ thuật sẽ không bao giờ có sức thuyết phục. Tuy nhiên, tuyệt đối hóa nét đặc thù của tài năng nghệ thuật cũng chẳng có sức thuyết phục gì hơn. Nói cách khác, tài năng nghệ thuật là sự diệu kỳ song không phải là không thể giải thích được. Ở đây, vai trò của yếu tố *thiên bẩm* là *không thể thiếu*. Sẽ không có một Đặng Thái Sơn, một Trà Giang, một Trần Đăng Khoa... nếu ngay từ nhỏ họ không mang trong mình bản tính nghệ sĩ. Môi trường và điều kiện góp phần quyết định chuyển hóa khả năng thành hiện thực, vậy thôi. Người ta kể rằng trí tưởng tượng sáng tạo phát triển rất sớm ở Trần Đăng Khoa. Một lần anh trai Khoa – cũng là người làm thơ, nhìn thấy bụi tre ngả nghiêng trong gió to đã hỏi Khoa: “*Bụi tre giống gì?*”. Trần Đăng Khoa khi ấy mới 5, 6 tuổi đã trả lời: “*Trông giống ông say rượu*”. Thật đường đột và thú vị. Coi nhẹ vai trò của yếu tố bẩm sinh sao được. Tuy nhiên, như đã nói ở trên, *học tập và rèn luyện* nhằm vun đắp tài năng sẵn có mới mang tính quyết định. Nói như K. Marx: “*Thực tiễn sẽ phát triển những năng khiếu tiềm năng trong bản thân*”. Thực tế nghệ thuật của dân tộc và nhân loại đã chứng minh hùng hồn điều đó. Một lần, nữ nghệ sĩ nổi tiếng của Liên Xô (cũ) là Mácxcacôva đã khóc khi nghe giọng hát của ca sĩ Muradôv. Ông không được học hành gì cả và khi ấy ông đã gần 60 tuổi. Mọi người tưởng giọng hát của ca sĩ làm bà xúc động. Không phải vậy, bà khóc vì lẽ khác: “*Tôi khóc vì thương xót. Thật là một giọng ca tuyệt đẹp, ông đã có thể làm kinh ngạc cả thế giới, nếu trước đây được học hành đến nơi đến chốn. Còn bây giờ thì không thể được nữa rồi*” (theo Raxun Gamzatov). Bởi vậy có thể dễ dàng tán đồng với định nghĩa sau đây của Tố Hữu về thiên tài: “*Thiên tài là gì, nếu không phải là hương của hoa, là núi của đất, là sự kết tinh ở một mức nào đó trí tuệ và tài năng của nhân dân lao động*”.

b. Các hình thức tồn tại của chủ thể thẩm mỹ:

Nếu chấp nhận những kiểu khác nhau của chủ thể thẩm mỹ trong đời sống và trong nghệ thuật thì ta có thể xếp chủ thể thẩm mỹ vốn muôn hình vạn trạng và thiên biến vạn hóa vào các nhóm chính sau đây:

- Nhóm chủ thể thưởng thức thẩm mỹ.
- Nhóm chủ thể sáng tạo thẩm mỹ.

- Nhóm thủ thể định hướng thẩm mỹ.
- Nhóm thủ thể biểu hiện thẩm mỹ.
- Nhóm thủ thể tổng hợp các năng lực thẩm mỹ.

Không khó xác định hai nhóm đầu, riêng ba nhóm sau cần được giảng giải rõ thêm. Nói đến định hướng thẩm mỹ là ta nghĩ ngay đến hoạt động của các nhà phê bình trong đó có phê bình nghệ thuật. Phê bình là xem xét, đánh giá các hiện tượng thẩm mỹ. Nhưng mục đích cuối cùng, mục đích tối thượng của phê bình lại là ở việc định hướng các hoạt động thẩm mỹ. Hoạt động phê bình khá đa dạng và ở nhiều mức độ. Trong đó, không nên xem thường hình thức giới thiệu các sản phẩm thẩm mỹ, các tác phẩm nghệ thuật một cách rộng rãi và thường xuyên.

Cũng cần chú trọng tới chủ thể thẩm mỹ biểu hiện. Ở đây ta nghĩ tới tính chất hoạt động của các diễn viên và các nhạc công. Không phải họ không đem phần sáng tạo riêng của họ vào việc thể hiện vai diễn và trình bày tác phẩm âm nhạc. Song dầu sao tính sáng tạo cũng bị giới hạn bởi kịch bản và bản nhạc có sẵn từ trước. Do chủ thể thẩm mỹ thường gắn với những phương tiện thẩm mỹ khác nhau, nên các nhà mỹ học thường dựa vào đây để chia thành những nhóm chủ thể thẩm mỹ biểu hiện riêng biệt.

- Chủ thể biểu hiện đồng thời là phương tiện biểu hiện thẩm mỹ. Chẳng hạn các diễn viên điện ảnh, sân khấu và vũ đạo.

- Chủ thể biểu hiện gắn với phương tiện biểu hiện là các nhạc cụ. Đó là các nhạc công.

- Chủ thể biểu hiện gắn với các phương tiện biểu hiện là ngôn từ và âm nhạc như các nghệ sĩ ngâm thơ.

Cuối cùng là nhóm thủ thể tổng hợp các năng lực thẩm mỹ. Trong trường hợp này, người ta hay nói đến khả năng và tính chất hoạt động của các nhà đạo diễn. Quả thật, để dàn dựng sân khấu, điện ảnh, vũ đạo... người đạo diễn phải mang trong mình nhiều năng lực thẩm mỹ. Họ cần có khả năng cảm thụ nhạy bén, định hướng rõ rệt, sáng tạo tinh tế lại vừa có khả năng biểu hiện thuần thục khi cần. Tính tổng hợp những năng lực thẩm mỹ vốn là đòi hỏi từ bên trong của công việc ở nhà đạo diễn. Không có hoặc yếu một khả năng nào, người đạo diễn không thể hoàn thành tốt ý đồ chỉ đạo nghệ thuật được đặt ra.

Cần nói thêm rằng, việc phân chia thành các nhóm chủ thể thẩm mỹ cơ bản như trên chỉ có ý nghĩa tương đối. Ví như, không thể nói nhà phê bình nghệ thuật lại chỉ có năng lực thẩm định. Muốn phân tích, đánh giá tốt các tác phẩm nghệ thuật muôn hình muôn vẻ, nhà phê bình nghệ thuật đồng thời cũng phải là một công chúng cảm thụ nghệ thuật tinh tường và sâu sắc, một nghệ sĩ với những tư chất phong phú và cao đẹp ở một mức độ đáng kể nào đó. Thêm vào đó, khi ta xếp một

người vào một nhóm chủ thể thẩm mỹ nào thì chỉ có nghĩa là ta đang xem xét trong một mối quan hệ thẩm mỹ cụ thể, xác định mà thôi. Ở hoàn cảnh khác và trong mối quan hệ thẩm mỹ khác thì người ấy sẽ được đưa vào một nhóm chủ thể thẩm mỹ thậm chí không liên hệ gì lắm tới nhóm được phân chia trước đây.

3. Ý thức thẩm mỹ

Con người khác loài vật chính là ở năng lực ý thức. L. Pascal nói: “*Con người là một cây sậy, nhưng là một cây sậy biết suy nghĩ*”. Ý thức con người là sự tổng hợp hữu cơ giữa nhiều hình thái khác nhau, trong đó có hình thái đặc thù là ý thức thẩm mỹ. Vậy, *ý thức thẩm mỹ là một bộ phận của ý thức xã hội được biểu hiện dưới hình thức trực tiếp, cảm tính.*

Đã tồn tại hai quan niệm đối lập nhau về bản chất của ý thức thẩm mỹ trong lịch sử mỹ học.

- Quan niệm có *tính bản thể luận* xem ý thức thẩm mỹ chính là sự phản ánh bản thân thể hiện bằng những nguyên tắc đặc thù.

- Quan niệm có *tính nhận thức luận* xem ý thức thẩm mỹ như là một phẩm chất thuần túy thuộc đời sống tinh thần của con người chủ yếu được biểu hiện trong nghệ thuật.

Phải thấy là cả hai quan niệm đều rơi vào cực đoan. *Một mặt*, bất cứ một thuộc tính thẩm mỹ khách quan nào trong các giá trị thẩm mỹ cũng đều mang “tính người” nghĩa là có tính nhận thức luận, không thể chúng mãi mãi chỉ là khách thể thẩm mỹ mà không thể là đối tượng thẩm mỹ. *Mặt khác*, bất kỳ một đánh giá thẩm mỹ nào cũng đều xuất phát từ những thuộc tính thẩm mỹ khách quan tồn tại không tùy thuộc vào ý muốn chủ quan của con người. Trong trường hợp này, năng lực và cảm xúc thẩm mỹ chỉ làm tăng hay giảm phẩm chất của các hiện tượng thẩm mỹ chứ không sản sinh ra chúng. Giá trị thẩm mỹ vì vậy được nảy sinh đồng thời từ hai phía, cả chủ thể lẫn đối tượng.

Ý thức thẩm mỹ tồn tại dưới hai dạng: *ý thức thông thường* và *ý thức lý luận*. Không nên đối lập hai hình thái này. Ý thức thông thường chính là dạng biểu hiện phổ biến của ý thức thẩm mỹ. Còn ý thức lý luận lại là dạng biểu hiện cao mang tính khái quát, tính hệ thống của ý thức thẩm mỹ. Ý thức thẩm mỹ có thể xuất hiện trong mọi hành vi thẩm mỹ tích cực của con người. Đó là khi con người khai thác, đồng hóa hiện thực về phương diện thẩm mỹ trong hoạt động thực tiễn hàng ngày. Tuy nhiên, ý thức thẩm mỹ đặc biệt tập trung trong hoạt động nghệ thuật của người nghệ sĩ. Với tư cách là một hoạt động thẩm mỹ chuyên biệt, nghệ thuật đã làm cho ý thức thẩm mỹ ở người nghệ sĩ được thể hiện một cách trọn vẹn nhất, dưới hình thức biểu hiện cao nhất.

Có ý thức thẩm mỹ của thời đại, đồng thời có ý thức thẩm mỹ của cá nhân. Ý thức thẩm mỹ của thời đại được biểu hiện qua tính đa dạng của ý thức thẩm mỹ cá nhân, chi phối ở một mức độ nhất định đối với ý thức thẩm mỹ cá nhân. Tuy nhiên, không hiếm những cá nhân kiệt xuất như những nghệ sĩ thật sự vĩ đại mà tư tưởng đã vượt trước thời đại, có ý nghĩa soi sáng, dẫn đường.

Cũng như những hình thái ý thức xã hội khác, ý thức thẩm mỹ vừa phản ánh vừa tác động tới tồn tại xã hội, thúc đẩy tồn tại xã hội phát triển. Ý thức thẩm mỹ không chỉ là một hình thái nhận thức thế giới mà còn là hình thái tự nhận thức của con người. Với ý nghĩa đó, ý thức thẩm mỹ làm phong phú thêm cuộc sống vốn đã vô cùng phong phú của con người trên trái đất này.

Trong mỹ học, ý thức thẩm mỹ là một phạm trù thể hiện chủ thể thẩm mỹ một cách bao quát nhất. Nó được cấu thành bởi những phạm trù thẩm mỹ khác vốn là những thành tố quan trọng phụ thuộc và làm nên nó như cảm xúc thẩm mỹ, thị hiếu thẩm mỹ, quan điểm thẩm mỹ và lý tưởng thẩm mỹ...

4. Cảm xúc thẩm mỹ

Đó là trạng thái rung động trực tiếp của con người trước các hiện tượng thẩm mỹ khách quan trong thiên nhiên, trong đời sống và trong nghệ thuật. Sắc thái cảm xúc thẩm mỹ đa dạng như chính hiện tượng thẩm mỹ khách quan muôn hình vạn trạng. Đó có thể là cảm giác sảng khoái trước cái đẹp, sửng sốt trước cái cao cả, đau xót trước cái bi, khinh bỉ trước cái hại, ghê tởm trước cái thấp hèn và buồn rầu trước cái xấu... Đây chính là phạm trù biểu hiện chủ thể thẩm mỹ đầu tiên trước đối tượng thẩm mỹ. Nó đồng thời là dấu hiệu rõ nhất xác nhận sự tồn tại trên thực tế mối quan hệ thẩm mỹ của con người đối với thực tại.

Cần phải thấy sự khác biệt của cảm xúc thẩm mỹ với cảm xúc sinh lý. Khi đói được ăn, khi nóng được tắm, khi rét được mặc ấm... con người đều có những cảm giác khoan khoái nhiều khi không thể nói là không da diết. Nhưng đó là cảm giác sinh lý, không hoàn toàn giống với cảm xúc của con người khi đứng trước cái đẹp chẳng hạn. Tính xã hội và tính tinh thần của cảm xúc thẩm mỹ cao hơn nhiều. Đó là kết quả tổng hòa của nhiều yếu tố: tình cảm, nhận thức, truyền thống văn hóa... trong một con người. Không phải ngẫu nhiên khi cảm xúc thẩm mỹ được coi như một trong những biểu hiện rõ nhất của "tính người". K. Marx đã gọi tình cảm đối với cái đẹp là tiêu chí khu biệt quan trọng đối với con người. Còn V. Biêlinxki thì cho rằng nếu không có tình cảm thẩm mỹ thì ngay một con người có học thức cũng không đứng cao hơn động vật mấy tí. Rõ ràng cảm xúc thẩm mỹ và cảm xúc sinh lý là hai khái niệm khác nhau. Tuy nhiên, cũng không nên đối lập mà cần thấy tác động qua lại nhất định giữa chúng với nhau.

Do gắn với lý trí, lý tưởng nên cảm xúc thẩm mỹ bao giờ cũng thể hiện xu hướng đánh giá. Đó là cơ sở tạo ra hai loại cảm xúc thẩm mỹ với tính chất đối nghịch nhau: *cảm xúc thẩm mỹ tích cực* và *cảm xúc thẩm mỹ tiêu cực*. Điều này đặc biệt rõ rệt trước những hiện tượng thẩm mỹ thuộc về con người, những hoạt động và đời sống vô cùng tận của con người. Và ở đây, chúng ta vừa thấy sự khác biệt lại vừa thấy được mối liên hệ giữa tình cảm thẩm mỹ với tình cảm chính trị, đạo đức và tôn giáo...

Hiển nhiên là cảm xúc thẩm mỹ có vai trò to lớn trong mọi hoạt động thẩm mỹ nhất là trong hoạt động nghệ thuật. Cảm xúc thẩm mỹ chính là động lực mạnh mẽ thôi thúc người nghệ sĩ trong hoạt động sáng tạo. Thiếu sức mạnh tự bên trong này sẽ không giải thích nổi vì sao người nghệ sĩ thuộc các thời đại và các dân tộc khác nhau lại thường coi sáng tạo như “*sự giải thoát nội tâm*”. Người nghệ sĩ sáng tạo khi không thể dừng, không thể không sáng tạo. Và cảm xúc chính là nhân tố thấm vào mọi khâu, mọi giai đoạn của quá trình sáng tạo nghệ thuật. Không thể hiểu được cảm hứng nếu tách rời khỏi cảm xúc mặc dù cảm hứng không đơn thuần là tâm thế chứa chan cảm xúc.

Vì vai trò đặc biệt của cảm xúc trong mọi hoạt động thẩm mỹ nên chủ thể thẩm mỹ cần phải tích lũy và trau dồi thường xuyên để cảm xúc thẩm mỹ ngày một dồi dào, tinh tế và sâu sắc. Điều kiện thiết yếu là phải xúc tiếp thường xuyên với các giá trị thẩm mỹ. Cái gọi là “đi tìm cảm xúc” luôn tỏ ra không mấy thích hợp là vì vậy.

5. Thị hiếu thẩm mỹ

Trong cuộc sống, con người luôn có những phản ứng “thích” hoặc “không thích” trước các hiện tượng mình có thiện cảm hay ác cảm. Điều đó bắt nguồn từ sở thích. Nếu đây là các phản ứng trước các hiện tượng thẩm mỹ thì liên quan tới sở thích thẩm mỹ. *Thị hiếu thẩm mỹ chính là các sở thích tương đối ổn định của cá nhân hay cộng đồng về phương diện thẩm mỹ.*

Sở thích xã hội không nhất thành bất biến. Mọi sự thay đổi bên trong và hoàn cảnh sống của con người đều có thể đưa tới sự thay đổi trong sở thích. Có điều, đã là thị hiếu, trong đó có thị hiếu nghệ thuật thì những sở thích phải mang *tính ổn định tương đối*. Đó là vì thị hiếu thẩm mỹ không phải và không thể được hình thành ngày một ngày hai. Đó còn vì thị hiếu được nảy sinh trên cơ sở của nhiều nhân tố vật chất và tinh thần, bên trong và bên ngoài khác nhau của con người.

Như các lĩnh vực khác, có thị hiếu thẩm mỹ *cá nhân* đồng thời có thị hiếu thẩm mỹ *cộng đồng* (một tộc người, một tầng lớp, một giai cấp, một địa phương...). Chẳng hạn, mỹ học cổ điển chủ nghĩa cuối thế kỷ XVIII được xây dựng trên ý thức phong kiến nên đánh giá rất thấp mọi hiện tượng trong đời sống của “tầng lớp bình dân”. Nhà văn Pháp Boalô từng tuyên bố: “Hãy xa lánh cái thấp hèn, nó bao giờ cũng xấu xa”. Cần thấy sự *gắn bó* cũng như *sự khác biệt* giữa thị hiếu cá nhân và

thị hiếu cộng đồng. Bất cứ thị hiếu cá nhân nào, dù muốn hay không cũng đều ít nhiều chịu sự chi phối của thị hiếu cộng đồng. Tuy nhiên, do được xây dựng trên đời sống riêng của mỗi người, thị hiếu thẩm mỹ cá nhân có nhiều mặt không hoàn toàn trùng khớp, thậm chí đi ra ngoài thị hiếu thẩm mỹ của cộng đồng. Điều này phần nào nói lên tính đa dạng, riêng biệt, độc đáo của thị hiếu thẩm mỹ. Phải thấy và chấp nhận đặc tính đó. Nó nói lên sự giàu có của đời sống thẩm mỹ, đời sống văn hóa. Sự đơn điệu, nhất là sự độc tôn của một dạng thị hiếu chỉ chứng tỏ sự nghèo nàn, hời hợt của đời sống tinh thần của con người mà thôi. Thật tế nhạt nếu phải sống trong một môi trường hoặc một xã hội như vậy.

Do tính riêng biệt, độc đáo của thị hiếu thẩm mỹ nên có người đã đẩy nó vào lĩnh vực huyền bí mang tính bản năng. Thật ra, thị hiếu thẩm mỹ *không hề mang tính bẩm sinh*. Nó được hình thành, thậm chí biến đổi nhờ những hoạt động duy trì, phát triển sự sống của bản thân con người. Thị hiếu thẩm mỹ cũng *không có tính chất huyền bí*. Dẫu khó hiểu đến đâu ta cũng bằng cách này hay cách khác truy tìm thấy cội nguồn nảy sinh ra thị hiếu thẩm mỹ. Nói khác đi, ta có thể giải thích được những biểu hiện muôn màu muôn vẻ của thị hiếu cá nhân cũng như thị hiếu cộng đồng. Đây là những hiện tượng xã hội - lịch sử trong đó phản ánh những quan niệm sống và lối sống của con người. Bên cạnh cái riêng có cái chung, bên cạnh cái uyển chuyển có cái nguyên tắc. Bởi vậy, bàn bạc hay tranh cãi về thị hiếu thẩm mỹ là khó, nhưng không vì thế mà khước từ hoặc phủ nhận mọi sự bàn bạc, tranh biện về chúng. Đại thể, ta vẫn có thể chia thành hai loại thị hiếu thẩm mỹ: *lành mạnh* và *không lành mạnh*. Cơ sở của phân loại này là ở việc xem xét thị hiếu bắt nguồn từ nhu cầu thẩm mỹ nào, chính đáng hay không chính đáng, thực chất hay hình thức, tôn thêm hay hạ thấp phẩm hạnh con người.

Ở đây đụng phải một vấn đề rất nhạy cảm và phức tạp – vấn đề “mốt”. “Mốt” là hiện tượng thay đổi từng phần các hình thức biểu hiện của đời sống văn hóa do tác động của các nguyên nhân kinh tế, xã hội, đạo đức, thẩm mỹ khác nhau. Dễ thấy biểu hiện của “mốt” qua y phục, song phạm vi của “mốt” rộng hơn nhiều: “mốt” đầu tóc, “mốt” âm nhạc, “mốt” vũ điệu, “mốt” thi ca... Thái độ trước “mốt” phản ánh sự nhạy bén trước cái mới - một nhu cầu không thể thiếu đối với con người, nhất là tầng lớp thanh niên trong một xã hội văn minh. Tuy nhiên, sự học đòi “mốt” bất chấp điều kiện và hoàn cảnh sống, bất chấp tập quán và tâm lý dân tộc lại thể hiện bản lĩnh, trình độ và năng lực thẩm mỹ thấp kém ở con người. Thị hiếu thẩm mỹ bao giờ cũng đi liền với phán đoán thẩm mỹ. Phần nào khác với cảm xúc thẩm mỹ, thị hiếu đạt đến một sự hài hòa nhất định giữa tình cảm và lý tính. Thật bấp bênh khi phán đoán thẩm mỹ của con người tỏ ra không còn tinh nhạy. Lúc

đó, mọi ảnh hưởng tiêu cực từ bên ngoài sẽ có đất hoành hành. Sẽ ra sao nếu con người mất đi khả năng tự chủ, khả năng tự đề kháng!

Vai trò của nghệ thuật rất lớn trong việc xây dựng những thị hiếu thẩm mỹ tích cực. Tuy thế, *không được đồng nhất thị hiếu nghệ thuật với thị hiếu thẩm mỹ*. Đó là hai khái niệm không hoàn toàn trùng khớp với nhau. Thị hiếu thẩm mỹ bao hàm một mặt cơ bản của thị hiếu nghệ thuật – mặt thẩm mỹ. Trong khi ngoài mặt thẩm mỹ, người ta có thể dùng những thước đo khác để xem xét thị hiếu nghệ thuật. Nói như V. Lênin: “*Không thể vận dụng chỉ những phán đoán thẩm mỹ*” trong đánh giá nghệ thuật. Ví như: tính chân thật của tác phẩm nghệ thuật. Không ai không thấy tầm quan trọng của nó trong thẩm định nghệ thuật. *Cũng không thể tách thị hiếu thẩm mỹ ra khỏi thị hiếu nghệ thuật*. Sự gắn bó và tác động qua lại giữa chúng là một sự thật hiển nhiên. Thị hiếu nghệ thuật là hạt nhân của thị hiếu thẩm mỹ, ngược lại thị hiếu thẩm mỹ lại là mảnh đất nảy sinh ra thị hiếu nghệ thuật. Thấy được mối tương quan giữa thị hiếu thẩm mỹ và thị hiếu nghệ thuật sẽ thật sự có ý nghĩa trong việc xây dựng đời sống thẩm mỹ cũng như đời sống nghệ thuật tiên bộ, lành mạnh và hiện đại.

6. Quan điểm thẩm mỹ

Ý thức xã hội gồm hai bộ phận liên quan trực tiếp với nhau: tư tưởng xã hội và tâm lý xã hội. Cũng như các dạng thức khác của ý thức xã hội, ý thức thẩm mỹ vừa được biểu lộ ở cấp độ *tâm lý* (cảm xúc và thị hiếu thẩm mỹ), vừa được biểu lộ ở cấp độ *tư tưởng* (quan điểm và lý tưởng thẩm mỹ).

Quan điểm thẩm mỹ là một bộ phận hợp thành thế giới quan của cá nhân và xã hội. Thế giới quan là hệ thống quan niệm, quan điểm của con người về thế giới. Cần thấy tính đa dạng và tính thống nhất của thế giới quan. Cũng cần thấy vai trò quyết định của quan điểm, quan niệm triết học và chính trị tới các bộ phận khác trong thế giới quan. Nói khác đi, thế giới quan bao giờ cũng mang tính giai cấp khi xã hội còn phân chia giai cấp. Tuy vậy, sự tác động qua lại giữa các giai cấp về mặt tư tưởng cũng là một thực tế hiển nhiên.

Mọi quan điểm, trong đó có quan điểm thẩm mỹ, thường mang tính lý luận và tính hệ thống. Quan điểm thẩm mỹ là sự khái quát nhu cầu thẩm mỹ của xã hội và hoạt động thẩm mỹ của con người. Đó là những nguyên tắc tiếp cận các hiện tượng và quá trình thẩm mỹ ngoài đời sống và trong nghệ thuật. Do vậy, *quan điểm thẩm mỹ chỉ đạo mọi hoạt động thẩm mỹ, đặc biệt là hoạt động nghệ thuật của người nghệ sĩ*. Trong lịch sử mỹ học, người ta hay nhắc tới thái độ của nhà mỹ học người Đức Bectôn Brêch đối với những nguyên tắc kịch truyền thống. Nhân đi qua nơi chôn cất Sêchxpia và người khán giả đã cuồng nhiệt bắn diêm viên Otenlô trong vở kịch cùng tên của Sêchxpia, nhà viết kịch vĩ đại vốn tôn thờ nguyên tắc duy lý này

đã đề nghị sửa những câu viết trên mộ chí của họ. Từ câu “*Nơi đây yên nghỉ nhà viết kịch và người khán giả tài năng nhất thế giới*”, ông đề nghị chữa lại thành “*Nơi đây yên nghỉ nhà viết kịch và người khán giả tôi nhất thế giới*”. Xây dựng quan điểm thẩm mỹ đúng đắn và tích cực, vì vậy, là một trong những mục tiêu quan trọng của giáo dục thẩm mỹ.

Vì quan điểm thẩm mỹ bị chi phối bởi quan điểm triết học và chính trị, nên *lịch sử mỹ học chính là lịch sử đấu tranh giữa quan điểm mỹ học duy vật và duy tâm, tiến bộ và lạc hậu*. Điều này diễn ra ngay từ thời cổ đại ở phương Đông cũng như ở phương Tây. Thuyết “bất chước” trong việc lý giải bản chất nghệ thuật trong hệ thống mỹ học của Platon và Arixtote là một minh chứng. Chẳng thế, mặc dù đã theo học Platon trong nhiều năm ròng, Arixtote vẫn tuyên bố: “Thầy Platon với tôi là rất thân thương, nhưng chân lý với tôi còn thân thương hơn”. Ở ta, cuộc tranh luận giữa các cụ Ngô Đức Kế, Huỳnh Thúc Kháng với Phạm Quỳnh chung quan *Truyện Kiều*, giữa phái *Nghệ thuật vị nhân sinh* với phái *Nghệ thuật vị nghệ thuật* hồi đầu thế kỷ XX cũng nằm trong quy luật chung đó của lịch sử mỹ học.

Ngày nay, trong việc xây dựng đời sống văn hóa thẩm mỹ dân tộc – hiện đại, cuộc đấu tranh trên vẫn diễn ra với nhiều hình thức khác nhau. Những quan điểm thẩm mỹ đòi truy, lai căng có lúc, có nơi vẫn chưa bị lên án, tác động không nhỏ đến hoạt động thẩm mỹ của nhiều người, đặc biệt là tầng lớp thanh thiếu niên. Ngay cả những quan điểm thẩm mỹ tưởng không cần phải tranh luận về tính đúng đắn của chúng như *Cái đẹp là sự giản dị* (M. Gorki) cũng không phải đã được mọi người chấp nhận và tuân thủ. Mới biết việc tạo lập nếp nghĩ, nếp sống, nếp hành động thật sự văn hóa khó khăn và dài lâu biết chừng nào!

7. Khái niệm về đối tượng thẩm mỹ

Đối tượng thẩm mỹ chính là mặt thẩm mỹ, các hiện tượng thẩm mỹ khách quan trong một mối quan hệ thẩm mỹ cụ thể nào đó. Đối tượng thẩm mỹ trực tiếp tác động tới chủ thể thẩm mỹ vào một thời điểm và ở một địa điểm xác định. Nó cuốn hút chủ thể thẩm mỹ bởi sức gợi cảm đặc biệt. Những phẩm chất thẩm mỹ bên ngoài tác động tới chủ thể đường đột tức thời. Song ngay sau đấy, ý thức thẩm mỹ cho phép con người đi sâu tìm hiểu, khám phá và lý giải chúng. Sức hấp dẫn của chúng vì thế mà càng gia tăng. Điều này tuyệt nhiên không phủ nhận *tính khách quan* – đặc tính cơ bản nhất của đối tượng thẩm mỹ. I. Kant cho rằng, *vẻ đẹp không phải ở má hồng người thiếu nữ mà trong đôi mắt của kẻ si tình* là không thật thấu đáo. Cái thẩm mỹ toát lên từ toàn bộ những phẩm chất, những thuộc tính có thật, không lệ thuộc vào người tiếp nhận nó. Năng lực thẩm mỹ của chủ thể có thể làm tăng hay giảm phẩm chất hay thuộc tính thẩm mỹ, song không tạo ra chúng. Nhấn mạnh mặt này hay xem nhẹ mặt kia đều không biện chứng, không khoa học.

Cũng cần lưu ý là phẩm chất và thuộc tính của đối tượng thẩm mỹ không chỉ bắt nguồn từ bản thân sự vật, hiện tượng riêng lẻ mà còn bắt nguồn từ mối tương quan giữa chúng với môi trường chung quanh. Cánh chim chỉ đẹp khi chao lượn giữa bầu trời xanh bao la; cánh buồm chỉ đẹp khi vượt muôn trùng sóng vỗ giữa biển khơi. Trong xã hội và đối với con người cũng vậy. Một con người đẹp là đẹp giữa cộng đồng; một hành vi đẹp là trong mối quan hệ giữa người với người. Tách khỏi cộng đồng với những mối quan hệ phong phú và nhiều vẻ thậm chí hoàn toàn mất đi cơ sở để phán đoán cái gì là đẹp và xấu, là cao cả và thấp hèn.

Phẩm chất và thuộc tính của đối tượng thẩm mỹ có thể nảy sinh trước hết từ hình thức hoặc nội dung, song giá trị thẩm mỹ của sự vật và hiện tượng bao giờ cũng được xác định chủ yếu bởi nội dung. Điều này có ý nghĩa phổ quát, đúng cả với các hiện tượng thẩm mỹ ngoài đời sống cũng như trong nghệ thuật. Có điều, trong nghệ thuật, điều này trở thành nguyên lý mỹ học chi phối mọi hoạt động sáng tạo, cảm thụ, và đánh giá nghệ thuật. Xa rời nguyên lý cơ bản về vai trò quyết định của nội dung trong hoạt động nghệ thuật sẽ có nguy cơ tạo ra môi trường cho chủ nghĩa hình thức hoành hành. Tính tích cực xã hội của nghệ sĩ vì thế cũng dần dà bị bào mòn. Nghệ thuật ngày càng xa rời những đòi hỏi bức thiết của con người và đời sống.

Xác định phẩm chất thẩm mỹ của mọi hiện tượng và quá trình trong tự nhiên, xã hội, lưu tâm tới việc khai thác, đồng hóa thực tại về phương diện thẩm mỹ chính là sự khẳng định tính phong phú, cao đẹp của đời sống con người. Ngoài đời sống chính trị, đạo đức, khoa học, tôn giáo... con người còn có đời sống thẩm mỹ với những vẻ riêng biệt. Con người không chỉ cần hệ tiêu chí đánh giá cái đúng và cái tốt, mà còn cần nhiều hệ tiêu chí đánh giá khác trong đó có việc xem xét, đánh giá cái đẹp, cái cao cả, cái bi, cái hài... Đời sống con người do vậy mà giàu có thêm lên.

Ngoài tính khách quan, cũng cần lưu ý tới tính độc đáo của đối tượng thẩm mỹ. Tạo hóa sinh ra muôn vật, muôn người không hề giống nhau. Ngay cha con nhiều lắm cũng hao hao như nhau; anh chị em sinh đôi giống nhau tới mức như là “hai giọt nước” thì cũng chỉ là một phép so sánh, thực tế thì đâu có hoàn toàn như vậy. Tuy nhiên, vẻ riêng biệt, không lặp lại của sự vật và hiện tượng khách quan được đối xử không giống nhau trong quan hệ xã hội. Các quan hệ chính trị, khoa học, đạo đức... không thực coi trọng chúng. Trong khi chúng được đặc biệt đề cao trong mối quan hệ thẩm mỹ. Thậm chí mọi sự vật, con người sẽ không còn là đối tượng thẩm mỹ nữa khi chúng bị tước đi vẻ đẹp độc đáo của riêng mình. Phẩm chất thẩm mỹ càng gia tăng khi đối tượng thẩm mỹ càng lung linh vẻ đặc sắc hiếm có. Có thể xem đời sống thẩm mỹ là lãnh địa của cái riêng, nơi nó tìm thấy sự bộc lộ mình đầy đủ nhất. Điều này đặc biệt có ý nghĩa đối với nghệ thuật mà như văn hào M. Gorki đã từng

nói là nếu mất cá tính đi thì đồng nghĩa là không có gì cả. Trong sản xuất vật chất, người ta cần tạo ra những sản phẩm tốt nhất, càng nhiều càng hay. Nghệ thuật thì khác, phải tạo ra những sản phẩm duy nhất chưa từng xuất hiện. Trong hoạt động xã hội, người ta muốn có những người ưu tú nhất, càng nhiều càng quý. Nghệ thuật không giống thế, mỗi nghệ sĩ phải có gương mặt sáng tạo riêng không được phép lặp lại người khác.

8. Những quan niệm về cái đẹp

So với các phạm trù thẩm mỹ khác, cái đẹp ra đời sớm nhất. Cảm xúc thẩm mỹ do cái đẹp gợi ra trong buổi bình minh của lịch sử nhân loại gắn liền với các công cụ và sản phẩm lao động trong đó cái tiện lợi còn hòa nhập với cái thẩm mỹ. Dần dà cùng với sự phát triển của tư duy và tình cảm, cái thẩm mỹ tách ra khỏi cái tiện lợi, song vẫn liên hệ ở mức độ này mức độ khác, bằng cách này cách khác với cái tiện lợi.

Mặc dầu lịch sử của cái đẹp hầu như gắn liền với lịch sử của loài người, mặc dù con người trong suốt quá trình sinh sống từ cổ xưa đến ngày nay không ngừng tìm hiểu và lý giải cái đẹp, *song để đi đến một quan niệm thống nhất tương đối về cái đẹp quả không mấy dễ dàng*. Bởi cái đẹp là một phạm trù thẩm mỹ phổ biến không chỉ có trong thiên nhiên mà còn có trong xã hội, không chỉ có nơi con người mà còn có trong mọi hoạt động và sản phẩm gắn liền với con người. Đó còn bởi sự cảm nhận về cái đẹp vô cùng tinh tế và muôn vẻ. Người ta có thể dễ dàng nói “*cái gì đẹp?*” nhưng rất khó trả lời “*cái đẹp là gì?*”.

Nói vậy hoàn toàn không có nghĩa cái đẹp là “*bất khả tri*” đối với con người, cũng không có nghĩa không có sự tương đồng ở một mức độ nhất định trong quan niệm về cái đẹp thuộc các tầng lớp, các dân tộc ở các giai đoạn, các thời đại khác nhau. Đành rằng cái đẹp là một phạm trù lịch sử – cụ thể, luôn biến đổi trong không gian và thời gian. Không ít cái xưa cho là đẹp nay lại cho là xấu, cũng không ít cái gợi lên cảm xúc thẩm mỹ tích cực ở người này nhưng lại tạo ra cảm xúc thẩm mỹ tiêu cực ở người kia... Tuy nhiên, *vẫn có thể tìm ra mẫu số chung nào đó*, nhất là trong quan niệm của những ai thật lòng muốn đi tìm một cái đẹp đích thực.

Đã có những quan niệm về cái đẹp đạt tới sự thừa nhận rộng rãi, chẳng hạn như coi *hài hòa là quy luật phổ biến của cái đẹp*. Hài hòa của các sự vật, hiện tượng trong tự nhiên và xã hội là sự thống nhất hữu cơ giữa các yếu tố, giữa các bộ phận với cái toàn thể, giữa vẻ bên ngoài với phẩm chất bên trong. Sự hài hòa đặc biệt được biểu lộ nơi con người - kiểu mẫu của muôn loài. *Có vẻ hài hòa cụ thể lại có vẻ hài hòa trừu tượng*. Hài hòa cụ thể thường bộ lộ ra bên ngoài, đập mạnh vào các giác quan của con người. Đó có thể là *vẻ cân xứng* hoặc *không cân xứng* nhưng bao giờ cũng thống nhất với nhau trong một chỉnh thể. Có hai dạng kết hợp tạo ra sự hài hòa cụ thể. Sự kết hợp giữa các mặt đối lập tương phản và sự kết hợp giữa các mặt

không đối lập không tương phản. Chiếc caravat màu sẫm nổi bật trên nền áo sơ mi màu trắng là hài hòa. Chiếc caravat màu sẫm cùng với bộ veston cũng màu sẫm lại tạo nên một sự hài hòa khác, không phải không hấp dẫn và đáng chú ý. Nếu sự hài hòa cụ thể thường liên quan đến các vật vô cơ, cảnh trí thiên nhiên, hình thể con người... thì trái lại, sự hài hòa trừu tượng chủ yếu liên quan đến vẻ đẹp của thế giới hữu cơ, của con người và của tác phẩm nghệ thuật. Sự hài hòa lớn nhất đối với một tác phẩm nghệ thuật là sự thống nhất sinh động giữa nội dung và hình thức. Nội dung nghệ thuật bao giờ cũng là nội dung của một hình thức nhất định, và ngược lại, hình thức nghệ thuật bao giờ cũng nhằm thể hiện một nội dung nào đó. Không bao giờ có một nội dung trừu tượng cũng như không hề có một hình thức chung chung. Nội dung nghệ thuật và hình thức nghệ thuật trong một tác phẩm gắn bó hữu cơ với nhau. Như tác phẩm nghệ thuật, vẻ đẹp của con người được tạo bởi nhiều yếu tố hỗ trợ cho nhau, hài hòa với nhau, bao trùm nhất là sự hài hòa giữa phẩm chất bên trong và dáng vẻ bên ngoài. Riêng đối với phẩm chất bên trong của con người, đó là sự hài hòa giữa tài và đức, trí tuệ và tình cảm, suy nghĩ và hành động, riêng và chung... Để nhận biết được vẻ đẹp của sự hài hòa trừu tượng, cần nâng trực quan sinh động lên tư duy khái quát. Ở đây vai trò của phán đoán, so sánh là rất to lớn. Song nhận thức cảm tính không vì thế mà tỏ ra vô hiệu. Với đời sống thẩm mỹ, trực giác tinh nhạy bao giờ cũng cần thiết và ít khi lừa dối chúng ta.

Quan niệm "*Cái đẹp là cuộc sống*" của nhà mỹ học người Nga ở thế kỷ XIX Tsecnusepxki cũng được nhiều người tán đồng. Cái đẹp có trong đời sống, trong ta và ở quanh ta. Cái đẹp *đa dạng và phong phú* như chính cuộc sống của con người. Ở đây, bất cứ cái gì gọi cho con người *mối liên tưởng về sự sống* thường được coi là đẹp. Một người đẹp không thể là một người xanh xao, yếu ớt; một tán cây đẹp phải sum suê, xanh tốt... Sự liên tưởng này thường phức tạp và đa dạng. Có sự liên tưởng trực tiếp với sự sống. Một em bé bụ bẫm chẳng hạn. Lại có liên tưởng gián tiếp như son phấn trong trang điểm của người phụ nữ. Không phải vô cơ khi má phơn phớt hồng ở người phụ nữ lại gọi lên sự hấp dẫn. Tuy nhiên, quan niệm "*Cái đẹp là cuộc sống*" cần được hiểu một cách bao quát hơn. Cái đẹp không chỉ gọi nên sức sống. Có thể nói *tất cả những gì liên quan đến sự sống nói chung đều gắn gũi với cái đẹp*. Theo ý nghĩa ấy, hoàng hôn kết thúc một ngày vẫn có sức cuốn hút chúng ta. "*Một tồn tại được gọi là đẹp là tồn tại trong đó chúng ta nhìn thấy cuộc sống đúng như quan niệm của mình, một đối tượng đẹp là đối tượng chứng tỏ nó mang một cuộc sống hay gọi cho chúng ta ý niệm về cuộc sống*" – Tsecnusepxki đã nhấn mạnh như vậy. Và *nếu đặt quan niệm của ông vào thời đại ông sống thì ý nghĩa của nó càng tăng gấp bội*. Thời ấy, không ít quan niệm mỹ học duy tâm bằng cách này cách khác tách cái đẹp ra khỏi thực tế đời sống lại tỏ ra có ưu thế. Gắn liền

với ý định đó là việc đặt cái đẹp nghệ thuật lên trên cái đẹp đời sống. Hegel từng tuyên bố loại bỏ cái đẹp trong tự nhiên ra khỏi phạm vi đối tượng nghiên cứu của mỹ học. Vì sao vậy? Vì chúng là “*bàng quan*”, không tự do, nên không có tiêu chuẩn gì có thể thống nhất trong sự phán đoán về cái đẹp. Khi khẳng định dứt khoát “*Cái đẹp là cuộc sống*”, Tsecnusepxki kiên quyết bảo vệ lập trường mỹ học duy vật của mình. Đừng đi tìm cái đẹp ở bên trên và bên ngoài cuộc sống của con người. Vẻ đẹp đích thực tồn tại trong cuộc đời trần tục, không hề xa lạ. Và cái đẹp nghệ thuật có thể tập trung hơn, đậm đặc hơn cái đẹp đời sống nhưng đều được bắt nguồn, được nâng cao, được kết tinh từ chính cái đẹp đời sống.

Vẻ đẹp đời sống muôn hình vạn trạng. Đó là cái đẹp trong thiên nhiên, trong xã hội và bản thân chủ nhân của thiên nhiên, xã hội – con người. *Thiên nhiên là nơi khởi nguyên của cái đẹp. Vẻ đẹp thiên nhiên là thước đo đầu tiên của vẻ đẹp trong đời sống và trong nghệ thuật.* Bản thân mối quan hệ mật thiết giữa thiên nhiên và nghệ thuật đã khẳng định vai trò của cái đẹp trong tự nhiên. Từ bao đời nay, thiên nhiên là một trong những đối tượng thể hiện hấp dẫn nhất của nghệ thuật. Đọc *Truyện Kiều*, liệu có ai không nhớ câu thơ diễn tả cảnh đẹp mùa thu này:

Long lanh đáy nước in trời

Thành xây khói biếc, non phơi bóng vàng

Cảm hứng nghệ thuật bắt nguồn từ đất trời, sông núi, cỏ cây, hoa lá... thật vô cùng tận. Biết bao kiệt tác nghệ thuật được khởi nguồn từ đó. Và không chỉ có như vậy, chính vẻ đẹp thiên nhiên đã từng là thước đo ban đầu của nghệ thuật. Đây chính là cơ sở của quan niệm “*bất chước*” khi giải thích bản chất của nghệ thuật trong các học thuyết mỹ học Hy Lạp thời cổ đại. Âm nhạc là sự “*bất chước*” âm thanh tự nhiên của chim chóc, sông suối... Hội họa thì là sự “*bất chước*” sắc màu và đường nét của cây cối, động vật...

Cái đẹp trong xã hội vô cùng phong phú, đó là cái đẹp *trong đời sống hàng ngày, trong lao động và trong đấu tranh.* Không nên xem thường cái đẹp bình dị hàng ngày của cuộc sống đời thường. Một hành vi, một lối cư xử, một nếp sống, một thói quen... trong gia đình và nơi cộng đồng đều cần được đánh giá theo tiêu chuẩn của cái đẹp. Và cuộc đời của mỗi người cũng như cuộc sống của mỗi cộng đồng sẽ có ý nghĩa biết bao nếu ở đâu, vào thời điểm nào, cái đẹp cũng luôn ngự trị trong ý thức cũng như trong thực tế. Văn hóa thẩm mỹ chỉ được phát triển trong môi trường thẩm mỹ lành mạnh và phong phú. Song nếu lao động là thước đo giá trị của con người, là tiêu chuẩn xem xét ý nghĩa của một đời người thì cái đẹp thông qua quá trình lao động và ở thành quả lao động cần được đặc biệt coi trọng.

Bàn tay ta làm nên tất cả

Có sức người sỏi đá cũng thành cơm

(Hoàng Trung Thông)

Con người càng được tự do thì lao động càng không là việc làm khổ sai, nặng nhọc. Họ tích cực tự giác cải tạo thiên nhiên vì mục đích của chính con người. Vẻ đẹp trong lao động tạo ra những sản phẩm tinh thần cũng như vật chất khi ấy càng có điều kiện lung linh chói sáng. Đây là lý do giải thích vì sao mỹ học hiện đại lại tập trung nghiên cứu mặt thẩm mỹ trong lao động nhiều đến như vậy. Tuy nhiên, muốn vươn tới tự do, con người không chỉ cần được giải thoát ra khỏi sự lệ thuộc vào tự nhiên. Nhiều thế lực và mối ràng buộc xã hội khác nhau luôn đe dọa con người, khiến con người phải đứng lên giành và giữ cuộc sống và khát vọng tự do của mình.

*Trên đời ngàn vạn điều cay đắng
Cay đắng chi bằng mất tự do*

(Hồ Chí Minh)

Vẻ đẹp nảy sinh trong quá trình và thành quả đấu tranh xã hội chân chính xưa nay được mỹ học đặc biệt đề cao. Vẻ đẹp không thể đứng ngoài cuộc xung đột giữa chân và ngụy, thiện và ác, chính và tà. Đó cũng là sự khác biệt chủ yếu giữa cái đẹp trong xã hội và cái đẹp trong thiên nhiên. Nói khác đi, nếu cái đẹp là một phạm trù giá trị, thì giá trị thẩm mỹ trong đời sống của con người bao giờ cũng gắn chặt với giá trị chính trị, giá trị nhận thức và giá trị đạo đức. Cái đẹp không bao giờ tách ra khỏi cái tiến bộ, cái chân và cái thiện là vì thế!

Tiêu biểu cho vẻ đẹp trong xã hội là vẻ đẹp nơi con người. Tục ngữ có câu “*Người ta là hoa đất*”. Nhà thơ dân tộc Giáy là Lò Ngân Sủn thì viết:

*Người đẹp là ước mơ
Treo nước mắt mọi người...*

Vẻ đẹp có ở khuôn mặt, vóc dáng, hình hài nơi con người. Thật may mắn cho những người được trời phú cho một vẻ đẹp bề ngoài hấp dẫn. Câu “*Cái nét đánh chết cái đẹp*” chỉ đúng khi có sự dẫn đo, cân nhắc giữa “*sắc*” với “*tài*” và “*đức*”. Còn nhìn chung, không một ai có trí tuệ lành mạnh tích cực lại xem nhẹ vẻ đẹp của thân xác con người. Những trí tuệ lành mạnh tích cực đồng thời đề cao *vẻ đẹp của phẩm chất bên trong con người*. Trong trường hợp này, đi cùng với cái đẹp là cái duyên. Vẻ đẹp bề ngoài có thể phai theo năm tháng, riêng cái duyên thì ít bị biến đổi hơn nhiều.

Tất cả vẻ đẹp của thiên nhiên, xã hội và con người được tập trung trong *nghệ thuật – nơi hội tụ của cái đẹp*. Đã đành ở đâu và trong bất cứ lĩnh vực nào, con người cũng mong muốn “*sáng tạo theo quy luật của cái đẹp*”. Song chỉ trong nghệ thuật, con người mới có dịp tiếp xúc với cái đẹp rõ rệt và thường xuyên hơn cả. Vì đây là một lĩnh vực sản sinh ra cái đẹp một cách có ý thức nhất, chuyên biệt nhất.

Cái đẹp trong tác phẩm nghệ thuật mang vẻ hoàn thiện, *đẹp cả về nội dung lẫn hình thức*. Trong nội dung tác phẩm, dễ thấy hơn là *đối tượng đẹp* (con người đẹp, môi trường đẹp, cảnh trí đẹp...). Thể hiện cái xấu cũng nhằm hướng tới cái đẹp.

Mảnh giấy làm nên thân giáp bảng

Nét son điểm rõ mặt văn khôi

(Nguyễn Khuyến)

Mĩa mai “*tiến sĩ giấy*”, có danh mà không có thực, là một cách khẳng định về thực chất vốn xa lạ với mọi sự khoa trương, trống rỗng ở đời. Sâu xa hơn trong nội dung tác phẩm nghệ thuật là *vẻ đẹp tư tưởng, tình cảm của người nghệ sĩ gửi gắm qua hình tượng*. Nghệ thuật không chỉ giải thích thế giới, nghệ thuật còn nâng cao tầm nhìn, mài sắc cái nhìn của con người vào thế giới. Tâm lòng và suy nghĩ của người nghệ sĩ mới đáng nói và đáng chia sẻ hơn tất cả. Đó cũng là đặc điểm dễ thấy của cái đẹp nghệ thuật so với cái đẹp ngoài đời sống. Tiếp xúc với cái đẹp trong nghệ thuật con người không thể dửng dưng, ấy là bởi vẻ đẹp trong nghệ thuật thấm đậm cảm xúc và tư tưởng của nhà sáng tạo. *Cái đẹp trong nghệ thuật đặc biệt được bộc lộ qua chất liệu và qua cách thức thể hiện nội dung*. Trong nghệ thuật, nói cái gì cố nhiên là quan trọng. Nói như thế, bằng cách nào quan trọng cũng không kém. Hoàn toàn không giống với các sản phẩm vật chất và tinh thần khác, tác phẩm nghệ thuật phải ngời tỏa vẻ đẹp hình thức. Hiệu quả nghệ thuật tùy thuộc vào lao động nghệ thuật say mê và cực nhọc. Tính hoàn thiện hoàn mỹ bao giờ cũng là mục tiêu phấn đấu của người nghệ sĩ. Nhờ thế mà tác phẩm nghệ thuật chân chính mới sống mãi cùng thời gian.

Cha mẹ sinh ra nàng

Gọi nàng là người con gái

Nghệ thuật sinh ra nàng

Gọi nàng là Thân vệ nữ

Nàng sinh ra lần thứ nhất – để chết

Nàng sinh ra lần thứ hai – để sống mãi

(Lò Ngân Sủn)

Vậy là, không thể nói đến cái đẹp mà quên nói đến nghệ thuật. Tuy nhiên, *cái đẹp và nghệ thuật không phải là một*. Cái đẹp không phải chỉ có trong nghệ thuật và nghệ thuật không phải chỉ có nhiệm vụ sáng tạo ra cái đẹp. Đồng nhất giữa cái đẹp và nghệ thuật sẽ sai lầm không kém việc hoàn toàn tách biệt chúng, không thấy mối liên hệ giữa chúng.

Chương 2. LỊCH SỬ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN NGÀNH CHĂM SÓC SẮC ĐẸP

1. Lịch sử và nguồn gốc của Spa

Ngày nay, khi spa trở nên phổ biến và giới nữ là những người đi spa thường xuyên hơn để chăm sóc sắc đẹp và thư giãn cho bản thân, thì ít người biết rằng: Trong lịch sử sơ khai của Spa, chính đàn ông mới là những khách hàng đầu tiên sử dụng dịch vụ này. Spa từ Châu Âu, phát triển dần sang Châu Mỹ, Châu Á... theo những cách khác nhau. Sau đây chúng ta sẽ cùng tìm hiểu xem Spa ra đời và phát triển như thế nào.

a. Spa đã ra đời như thế nào?

“SPA” là một thuật ngữ viết tắt của từ Latin cổ “Salus per aquam”, tức là trị liệu bằng nước (thủy liệu pháp), thông qua việc xông hơi hoặc ngâm mình trong bồn nước kết hợp với hương thơm và các loại thảo mộc, nhằm giúp cơ thể tiêu tan mệt mỏi, giải độc tố và tăng cường tuần hoàn máu.

Người La Mã cổ đại không chỉ là những người tiên phong trong việc phát minh và sử dụng những phương thức làm đẹp như vẽ mắt, dùng son môi hay đeo những trang sức đặc biệt...mà họ cũng là những người đầu tiên đã biến spa trở thành một liệu pháp hoàn thiện. Những người đầu tiên đi Spa không phải những cô gái hay những quý bà xinh đẹp, mà là những chiến binh La Mã.



Ngay từ thế kỷ thứ 5 trước công nguyên, các chiến binh đã biết đến ích lợi của các dòng suối có chứa lưu huỳnh trong việc chữa các bệnh về cơ, khớp cũng như các vết thương ngoài da. Bí mật quân sự này nhanh chóng trở thành một trào lưu dân sự. Sau đó, người La Mã đã coi tắm như một cách nghỉ ngơi, thư giãn và giải khuây chứ không chỉ là để tẩy xóa những mệt mỏi của chiến tranh. Thủ đô của Spa thời này chính là Bath, nay thuộc Anh, là nơi người La Mã không chỉ xây vô số nhà tắm quanh các suối khoáng nóng mà còn dựng cả đền thờ Sulis Mineva – nữ thần suối khoáng

Tới năm 300 sau công nguyên, đã có tới 900 nhà tắm trên khắp La Mã. Spa cổ nhất thời La Mã vẫn còn đến hôm nay tại Merano, Ý. Dù chỉ là một phế tích nhưng nơi này cho thấy: Spa đã từng có một thời cực thịnh, khi quy mô của nó có thể bao gồm những tiện ích trọn vẹn như phòng tập, vườn cây, thư viện, nhà hàng, quán bar, nhà hát, bảo tàng và chợ.



Sau khi La Mã sụp đổ, nước Anh tiếp tục biến Bath trở thành một trong những địa danh Spa nổi tiếng nhất thời trung cổ. Trào lưu đi Spa được hoàng gia Anh cổ xúy, lan rộng khắp châu Âu như một nơi giới quý tộc lui tới để chứng tỏ quyền thế và địa vị của mình.



Khác với Châu Âu, Spa ra đời ở Châu Mỹ lần đầu tiên tại Saratoga, dòng suối khoáng cổ nhất châu Mỹ. Khi châu Mỹ phát triển lãnh thổ dần ra phía Tây, nhiều dòng suối khoáng khác lại được phát hiện. Trong lúc giới khoa học mải miết nghiên cứu tác dụng của những khoáng chất tốt từ các dòng suối này thì giới kinh doanh dựng lên vô số cabin và bồn tắm gỗ, cung cấp cả trị liệu Spa lẫn nơi ăn ở cho khách, bất kể họ đến từ đâu, giàu hay nghèo. Từ Saratoga, Spa lan nhanh ra khắp châu Mỹ, theo một tiến trình ngược lại với châu Âu: người nghèo cũng có thể tận hưởng Spa.

Spa lan sang Châu Á, lại có thêm yếu tố “thiền”, và cũng phát triển gần giống như Châu Âu, trở thành một trào lưu thời thượng, chỉ dành cho giới thượng lưu hoặc trung lưu. Bạn có thể thấy điều này đúng với Việt Nam. Tuy rằng, ngày nay Spa đang dần trở nên gần gũi với nhiều người hơn.

b. Những phương pháp SPA hiện đại

Liên tục phát triển cho tới ngày nay, theo định nghĩa của Hiệp hội Spa thế giới, Spa là tất cả các liệu pháp đem lại sự cân bằng năng lượng cho cơ thể và tâm hồn với mục đích thư giãn tinh thần, phục hồi sức khỏe và chăm sóc sắc đẹp.

Một Spa tiêu chuẩn phải đáp ứng đủ sự thư giãn cả 5 giác quan của con người. Điều đó có nghĩa là khi bước vào SPA, tinh thần của chúng ta phải nhanh chóng cảm thấy dễ chịu bởi một không gian yên tĩnh và thanh bình, đôi tai chúng ta phải được thư giãn bởi những thanh âm thiên nhiên và nhạc trị liệu chuyên nghiệp của SPA (tiếng chim hót, tiếng suối chảy róc rách, tiếng nhạc...); mũi chúng ta phải ngửi thấy hương thơm dễ chịu của tinh dầu và mùi hoa cỏ, trong khi mắt chúng ta phải được nhìn ngắm những cảnh vật thiên nhiên trầm tĩnh, yên bình. Miệng chúng ta phải được thưởng thức những loại trà hoa quả, thảo mộc hay nước hoa quả, và cuối cùng là cơ thể chúng ta phải được cảm nhận sự mềm mại, dịu dàng khi nhân viên massage cơ thể ta.

Mỗi nước có một kiểu Spa riêng, các liệu pháp được sử dụng cũng khác nhau, nhưng thông thường Spa gồm 5 liệu pháp cơ bản:

- Liệu pháp hương thơm: trị liệu bằng tinh dầu.



- Liệu pháp thảo dược: dùng nguyên liệu có nguồn gốc thảo dược để trị liệu.



- Liệu pháp thủy hóa: dùng muối khoáng hay tắm khoáng.
- Liệu pháp hydro: dùng nước trong trạng thái bốc hơi để giải độc tố.